TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2019/DS-ST
Ngày: 19 - 9 - 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T.

Địa chỉ: 09 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1994 (Văn bản ủy quyền số 154/UQTA-VH.18 ngày 19/10/2018).

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 43/5B hẻm 229 Tân Kỳ Tân Quý, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do bà Phạm Thị H đại diện trình bày: Ngày 01/4/2015, ông Phạm Ngọc H có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150401-

100129-0002 với Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T vay số tiền 34.495.393 đồng với lãi suất thỏa thuận 4.59%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm thanh toán số tiền 63.065.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 29 tháng; 28 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.176.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.137.000 đồng, thanh toán vào ngày 02 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 02/5/2015.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T với tổng số tiền 17.647.965 đồng (Trong đó đã thanh toán được 14.508.490 đồng tiền gốc và 3.139.475 đồng tiền lãi), kể từ ngày 28/5/2018 đến nay, ông Phạm Ngọc H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trậm trễ thanh toán nên Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Ngọc H thanh toán trả một lần cho Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T toàn bộ số tiền nợ 45.417.035 đồng, bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 19.986.903 đồng

- Nợ lãi: 25.430.132 đồng

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn do bà Phạm Thị H đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Phạm Ngọc H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 26, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 228, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Nhận thấy, ngày 01/4/2015 ông Phạm Ngọc H có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150401-100129-0002 với Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T vay số tiền 34.495.393 đồng với lãi suất thỏa thuận 4.59%/tháng để tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm thanh toán số tiền 63.065.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 29 tháng và ông H đã nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã không thanh toán đầy đủ số tiền gốc là lãi theo như thỏa thuận, vi phạm hợp đồng nên Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền nợ là 45.417.035 đồng (trong đó: Nợ gốc là 19.986.903 đồng; Nợ lãi là 25.430.132 đồng) là có cơ sở. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến Tòa án để giải quyết nhưng ông H không đến Tòa và không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án, ông H đã từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét Đơn khởi kiện của Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn hiện đang cư trú tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề ngày 26/8/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn- ông Phạm Ngọc H: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ để triệu tập ông H theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ lời trình bày của phía nguyên đơn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150401-100129-0002 ngày 01/4/2015 ông H đã ký với Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T thể hiện sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 388, Điều 389 và Điều 391 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông H là bên vi phạm hợp đồng không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu ông H thanh toán số tiền nợ còn lại là 45.417.035 đồng (trong đó: Nợ gốc là 19.986.903 đồng; Nợ lãi là 25.430.132 đồng), thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật

và lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 20/9/2019 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở, đúng pháp luật phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của với Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T được Tòa án chấp nhận, nên ông Phạm Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.270.851 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.135.425 đồng cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, khoản 3 Điều 228, Điều 271 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 388, Điều 389 và Điều 391 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T.

Buộc ông Phạm Ngọc H thanh toán nợ của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150401-100129-0002 ngày 01/4/2015 cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T, số tiền là 45.417.035 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 19.986.903 đồng.

- Nợ lãi tính đến ngày 19/9/2019: 25.430.132 đồng.

Thời hạn thanh toán: Khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa

thuận về việc điều chĩnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chĩnh cho phù hợp với sự điều chĩnh của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Số tiền 2.270.851 đồng do ông Phạm Ngọc H chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.135.425 đồng theo Biên lai thu số 0012118 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T; Ông Phạm Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết Nhung